

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HC-ST
Ngày 22/5/2020
V/v khiếu kiện hành vi hành chính
và quyết định hành chính trong
lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Bùi Xuân Vần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TLST-HC ngày 31 tháng 10 năm 2019 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Anh Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; cùng địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P; chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 05/11/2019) – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Trí H; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Anh Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2019) – Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Đặng Văn T; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày:

Ngày 06/7/2004, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ có tờ trình giao đất để xây dựng trụ sở làm việc cho Trạm khuyến nông, Trạm bảo vệ thực vật, Trạm thú y (viết tắt là 03 trạm). Phần đất mà UBND huyện Đ đề nghị giao cho 03 trạm có nguồn gốc là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 65, tọa lạc tại tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do bà khai phá và một phần nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T. Trước đó bà và ông T có đất giáp ranh với nhau, ông T thỏa thuận đổi cho bà phần đất có chiều ngang khoảng 20m, chiều dài từ mặt đường Quốc lộ 14 (đã trừ lộ giới) chạy dọc khoảng 40m; bà đổi lại cho ông T cây cà phê và phân bón, việc trao đổi có lập Giấy viết tay, có Giấy xác nhận của UBND xã T (cũ) và UBND xã Đ (cũ) xác nhận từ đầu năm 1993 bà đã sử dụng phần đất này. Khoảng năm 1997, bà thỏa thuận đổi đất cho bà Hồ Thị Ngọc T, bà T đã xây nhà cấp 04 trên đất, một phần chuyển nhượng cho ông Nguyễn Xuân K, một phần tặng cho con rể là ông Nguyễn Phước Tr. Sau đó ông K và ông Tr dựng nhà tạm bằng gỗ trên đất.

Khi UBND huyện Đ giao đất bà không biết, đến khi 03 trạm xây trụ sở bà mới biết. Bà đã làm đơn khiếu nại lên UBND huyện Đ nhưng không được giải quyết, sau đó bà khiếu nại lên Thanh tra tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng đến nay chưa được giải quyết rõ ràng. Khoảng năm 2013-2014 thì 03 trạm dời đi, đến khoảng cuối năm 2018 bà biết phần đất này đã được UBND huyện Đ bán đấu giá cho Ngân hàng X Chi nhánh Đắk Nông. Ngày 24/01/2019, bà làm đơn khiếu nại lên UBND huyện Đ. Ngày 26/02/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Công văn số: 28/UBND-TTr về việc trả lời đơn của công dân, nhận định vị trí xây dựng 03 trạm không liên quan đến bà nên khi thu hồi đất để xây dựng 03 trạm, UBND huyện Đ không thực hiện hỗ trợ, đền bù và không có quyết định thu hồi đất của gia đình bà. Bà không đồng ý với nội dung trả lời của UBND huyện Đ, vì trên tờ bản đồ số 65 năm 2000 thể hiện phần đất này là đất thổ cư, nếu đất không đứng tên bà mà đứng tên ông Tr, ông K, ông T thì UBND huyện Đ cũng không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với 03 người này. Do đó, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hành vi của UBND huyện Đ về việc lấy đất của gia đình bà giao cho 03 trạm nhưng không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ tái định cư là trái pháp luật; hủy Công văn số: 28/UBND-TTr ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của những người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Vị trí đất xây dựng 03 trạm theo Biên bản kiểm kê tháng 9/2000 của UBND huyện K (cũ) nằm trên số kiểm kê 178 đứng tên ông Nguyễn Xuân K và Đặng Văn T (theo Quyết định giải quyết khiếu nại số: 77/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông thì số kiểm kê này là của ông T) và số kiểm kê 180 đứng tên ông Nguyễn Phước Tr, không liên quan đến bà Đ. Do đó, UBND huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất và không thực hiện hỗ trợ, đền bù tái định cư cho gia đình bà Đ. Ngày 26/02/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ ban

hành Công văn số: 28/UBND-TTr trả lời đơn của bà Đ là đúng quy định, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Trí H đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Anh Đ tham gia tố tụng trong vụ án và đồng ý với những nội dung bà Đ trình bày.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thời hiệu khởi kiện:* Năm 2004, UBND huyện Đ có tờ trình giao đất để xây dựng 03 trạm. Khoảng cuối năm 2018, bà Đ biết UBND huyện Đ đã bán đấu giá đất cho Ngân hàng X Chi nhánh Đắk Nông. Ngày 24/01/2019, bà Đ có đơn đề nghị xem xét, làm rõ việc UBND huyện Đ lấy đất của gia đình bà để giao cho 03 trạm mà không có quyết định thu hồi đất, không đền bù cho gia đình bà. Ngày 26/02/2019, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Công văn số: 28/UBND-TTr trả lời đơn của bà Đ. Ngày 08/10/2019, bà Đ nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện Đ là trái pháp luật và hủy quyết định hành chính của Chủ tịch UBND huyện Đ. Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính, thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[1.3]. Người bị kiện UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND huyện Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Trí H vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2]. Xét yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi thu hồi đất nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND huyện Đ là trái pháp luật:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ nộp Đơn xin xác nhận ngày 21/4/2003 của ông Dương Trí H (*chồng bà Đ*). Theo đó, UBND xã Đ (*cũ*) và UBND xã T (*cũ*) xác nhận vào tháng 4/1993, ông H đến xã Đ khai hoang để mở trang trại chăn nuôi dê và bò, có vào xã T để đăng ký và xin giấy phép chăn nuôi, quá trình chăn nuôi luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, tuy nhiên Giấy xác nhận này không thể hiện vị trí đất. Tại Đơn xin xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 14/01/2019 của ông Dương **Chí** H, UBND thị trấn Đ xác nhận ông Dương **Chí** H có đất tại địa phương và chưa được cấp đất ở lần nào tại địa phương, tuy nhiên thửa đất nêu trong đơn là thửa số 110, tờ bản đồ số 29, không có tài liệu xác nhận trùng với vị trí thửa đất sử dụng để làm trụ sở 03 trạm.

Bà Đ cho rằng phần đất sử dụng làm trụ sở 03 trạm có một phần do bà nhận đổi đất với ông Đặng Văn T. Tuy nhiên, tại Giấy trao đổi đất ngày 4/5/1996 do ông T cung cấp, bà Đ có viết thêm và ký xác nhận nội dung “*Giấy này đã hủy*”.

Theo Biên bản kiểm kê tháng 9/2000 của UBND huyện X (*cũ*), vị trí đất xây dựng 03 trạm nằm trên số kiểm kê 178 đứng tên ông Nguyễn Xuân K và ông Đặng Văn T (*theo Quyết định giải quyết khiếu nại số: 77/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông thì số kiểm kê này là của ông T*) và số kiểm kê 180 đứng tên ông Nguyễn Phước Tr, không nằm trên số kiểm kê đứng tên bà Đ. Tại phiên tòa, bà Đ khai nhận 03 trạm xây dựng trụ sở vào năm 2004, đến năm 2005 bà mới kê khai quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ khẳng định tại thời điểm UBND huyện Đ có tờ trình giao đất để xây dựng 03 trạm, bà Đ không phải là người sử dụng phần đất này.

Xét thấy, bà Đ không có đủ điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất khi nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng nên việc UBND huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường thiệt hại về đất cho bà Đ là đúng quy định.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy Công văn số: 28/UBND-TTr ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ:

Như đã nhận định, bà Đ không phải là người sử dụng đất nên UBND huyện Đ không ban hành quyết định thu hồi đất, không hỗ trợ, đền bù cho bà Đ; nội dung trả lời tại Công văn số: 28/UBND-TTr ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng. Đối với ý kiến của bà Đ cho rằng theo Tờ bản đồ số 65 năm 2000 thì phần đất này là đất thổ cư, nếu không đứng tên bà mà đứng tên ông Tr, ông K, ông T thì UBND huyện Đ cũng không có quyết định thu hồi đất và không bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với 03 người này, Hội đồng xét xử xét thấy, trường hợp đất thuộc quyền sử dụng của ông Tr, ông K, ông T thì bà Đ không có quyền khởi kiện.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 6 Nghị định số: 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ quy định về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Anh Đ về việc tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi đất của gia đình bà nhưng không có quyết định thu hồi đất, không bồi thường, hỗ trợ tái định cư là trái pháp luật và hủy Công văn số: 28/UBND-TTr ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Về án phí : Buộc bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000832 ngày 25/10/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa hành chính, Tổ Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Hồng Chương